TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ	*Thanh Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số **, ấp LTB, xã LP, huyện LH, tỉnh VL.

Nơi cư trú: Số ***, khu phố **, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh T có một con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 12/02/2016. Hiện nay, cháu D đang sống chung với chị N. Chị N và anh T thống nhất, chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày

12/02/2016, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không yêu cầu cấp dưỡng.

Chị N và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Yến N tự nguyện chịu là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0008226 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị N được nhận lại số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên